

THE RECIPROCAL INTERACTION BETWEEN POLITICAL AND ECONOMIC INSTITUTIONS IN VIETNAM'S CURRENT DEVELOPMENT MODEL

Tran Thi Hang

Thanh Do University

Email: haghavkt@gmail.com

Received: 01/6/2026; Reviewed: 11/6/2026; Revised: 16/6/2026; Accepted: 24/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i2.380>

Abstract: *In development theory, the dialectical relationship between political and economic institutions plays a decisive role in determining the success or failure of a nation. In Vietnam, the traditional growth model, which has relied heavily on natural resources and low-cost labour, is approaching its limits. To achieve the goal of becoming a high-income developed country by 2045, it is urgently necessary to examine the mechanisms of interaction between these two institutional systems in order to remove existing institutional "bottlenecks." Addressing this dilemma requires Vietnam to pursue more decisive and coordinated reforms of both its political and economic institutions. This article presents the theoretical foundations of the interaction mechanisms between political and economic institutions. It also analyses how these institutions influence the development of the green economy, the private sector, and the expansion of new development spaces. The discussion focuses on three key issues arising from the research findings. These urgent issues require Vietnam to take more decisive measures to improve the mechanisms of interaction between political and economic institutions within its current development model.*

Keywords: *Interaction mechanisms; Vietnam's development model; Political Institutions; Economic Institutions.*

1. Đặt vấn đề

Lý thuyết phát triển và kinh tế học thể chế hiện đại luôn khẳng định: Sự tương tác giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế chính là cấu trúc cốt lõi quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia. Nhìn lại hành trình bốn mươi năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu lịch sử nhờ vận hành linh hoạt mô hình kết hợp giữa kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) và Nhà nước pháp quyền XHCN. Tuy nhiên, để hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ cũ đã không còn dư địa. Thực tiễn đòi hỏi những đột phá kinh tế phải được dẫn đường bằng các cải cách đồng bộ về chính trị. Đồng thời, những nút thắt trong nền kinh tế hiện nay - từ phát huy sức mạnh kinh tế tư nhân, hướng đến mô hình kinh tế xanh, đến sự lúng túng trong mở rộng không gian phát triển (kinh tế số, không gian liên kết vùng và phát triển đô thị...) chính là bài toán thách thức năng lực lập pháp, quản trị và kiểm soát quyền lực của hệ thống chính trị.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khi xem xét mối quan hệ tương tác giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế, các nghiên cứu lý luận cốt lõi của Nguyễn Xuân Thắng (2021) và Nguyễn Văn Thọ (2018) đều thống nhất rằng thể chế chính trị giữ vai trò định hướng vĩ mô. Tác giả Nguyễn Xuân Thắng (2021) đã hệ thống hóa toàn bộ tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam từ đổi mới (1986) đến nay, khẳng định thể chế chính trị đóng vai trò "mở đường" và "bà đỡ" cho các bước đi của thể chế kinh tế. Tác giả Nguyễn Văn Thọ (2018) phân tích sâu về việc giải quyết bài toán "đồng bộ" giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế, đồng thời cảnh báo rằng nếu tốc độ vận hành của hai hệ thống lệch pha sẽ tạo ra xung đột thể chế. Đi sâu vào thực tiễn vận hành, phân tích của Trần Đình Thiên (2021) và các Báo cáo thường niên của VEPR đã thẳng thắn chỉ ra một "nghịch lý tương tác": sự chậm trễ trong cải cách thể chế chính trị (luật, cơ chế, chính sách,...) và tâm lý e ngại rủi ro pháp lý của bộ máy công quyền đang trở thành điểm nghẽn lớn nhất kìm hãm các động lực thị trường.

Các nghiên cứu hiện nay cho thấy từ năm 2020 trở lại đây, mô hình phát triển truyền thống phải đối mặt với yêu cầu chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế số và mở rộng không gian phát triển. Chính vì thế, Viện Chiến lược Phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021) đã nhấn mạnh yêu cầu phải ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để đáp ứng xu hướng chuyển đổi này. Tác giả Bùi Quang Tuấn (2023) làm rõ rằng thể chế cho phát triển xanh không chỉ đơn thuần là các văn bản pháp luật về môi trường, mà là một hệ thống đồng bộ bao gồm: thể chế chính thức; thể chế phi chính thức và cơ chế thực thi của bộ máy. Tác giả đưa ra các khuyến nghị chiến lược để khơi thông điểm nghẽn thể chế: Phải lồng ghép mục tiêu "xanh" vào tất cả các quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy nhanh lộ trình vận hành chính thức của sàn giao dịch tín chỉ carbon. Áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế bảo vệ môi trường đánh mạnh vào các ngành thâm dụng năng lượng hóa thạch. Ban hành danh mục phân loại xanh chuẩn hóa để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn quốc tế và phát hành trái phiếu xanh.

Mặc dù các công trình nêu trên đã phác thảo rõ bức tranh vĩ mô, nhưng đa phần chỉ sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và diễn giải chính sách. Chính vì vậy, nghiên cứu này sẽ tập trung giải quyết khoảng trống nghiên cứu bằng cách đi sâu vào phân tích thực tiễn về cơ chế tác động giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế trong mô hình phát triển ở Việt Nam hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp luận tiếp cận thể chế hiện đại kết hợp chủ nghĩa duy vật biện chứng nhằm xem xét cơ chế tác động của thể chế chính trị đến ba mũi nhọn kể trên qua giai đoạn biến động từ năm 2020 đến năm 2026.

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp chính thống từ Văn kiện Đảng, Nghị quyết Bộ Chính trị, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, VCCI, World Bank, WIPO tính đến tháng 3 năm 2025. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích dữ liệu, phân tích xu hướng để đối chiếu kết quả kinh tế thực tế với tốc độ đáp ứng của văn bản điều hành, từ đó phát hiện các điểm nghẽn hệ thống.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý thuyết về cơ chế tác động giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế trong mô hình

phát triển ở Việt Nam

4.1.1. Các khái niệm chính

Thể chế chính trị: North (1990) - đại diện trường phái Thể chế học Mới (tập trung vào "luật chơi" và hành vi) cho rằng, thể chế chính trị được cấu thành từ ba yếu tố, đó là các quy tắc chính thức (Hiến pháp, luật, quyền bầu cử); Các ràng buộc phi chính thức (tập quán, truyền thống, quy chuẩn đạo đức) và các đặc tính thực thi (khả năng phát hiện và xử lý vi phạm). Daron Acemoglu và James A. Robinson (2012) - đại diện cho trường phái phát triển hiện đại lại nhận định thể chế chính trị bao trùm là sự phân chia quyền lực rộng rãi trong xã hội, thiết lập sự kiểm soát và cân bằng quyền lực, đảm bảo tính thượng tôn pháp luật.

Theo tác giả, thể chế chính trị là hệ thống các quy định, luật lệ, thiết chế (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc...) điều chỉnh việc phân chia, kiểm soát và thực thi quyền lực chính trị. Nó quyết định ai là người nắm quyền lực, nắm bằng cách nào và quyền lực đó được sử dụng để quản lý xã hội ra sao.

Thể chế kinh tế: Daron Acemoglu và James A. Robinson (2012) - Trường phái phát triển hiện đại cho rằng thể chế kinh tế bao trùm là thể chế bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, thiết lập một sân chơi bình đẳng, khuyến khích đầu tư vào công nghệ mới và giáo dục. Thể chế này mở ra cơ hội kinh tế cho đại đa số người dân. Dani Rodrik (2000) định nghĩa thể chế kinh tế thông qua chức năng vận hành của thị trường. Rodrik chia thể chế kinh tế thành 4 nhóm chức năng cốt lõi tạo nên một nền kinh tế mạnh: Thể chế tạo dựng thị trường (Bảo vệ quyền tài sản và thực thi hợp đồng); Thể chế điều tiết thị trường; Thể chế ổn định thị trường; Thể chế hợp pháp hóa thị trường. Theo tác giả, thể chế kinh tế là hệ thống các quy tắc, luật lệ, cấu trúc sở hữu và các định chế (thị trường, hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp...) điều chỉnh việc sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng các nguồn lực trong xã hội. Nó quyết định tài sản thuộc về ai, giá cả hình thành thế nào và nền kinh tế vận hành theo cơ chế nào (kế hoạch hóa hay thị trường).

Cơ chế tác động giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế: Quan hệ giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế là mối quan hệ tương tác biện chứng, ràng buộc và quy định lẫn nhau giữa "luật chơi" và

quyền lực" và "luật chơi về tài sản/tiền bạc" trong một quốc gia.

Thế chế chính trị tác động đến thế chế kinh tế (vai trò quyết định định hướng): Thế chế chính trị luôn có xu hướng thiết lập một thế chế kinh tế tương thích để phục vụ cho mục tiêu của giai cấp, lực lượng cầm quyền (Nguyễn Xuân Thắng, 2021):

+ Tạo khung khổ và "bảo hiểm": Thế chế chính trị tạo ra luật pháp (Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp,...) để tạo sân chơi cho kinh tế vận hành. Sự ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết để các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn.

+ Định hướng mô hình: Tại Việt Nam, thế chế chính trị (sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam) quyết định nền kinh tế phải đi theo mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là vừa dùng sức mạnh của thị trường để làm giàu, vừa dùng công cụ nhà nước để đảm bảo công bằng xã hội.

Thế chế kinh tế cũng tác động ngược lại thế chế chính trị (cơ sở hạ tầng và động lực). Kinh tế là "cơ sở hạ tầng", khi kinh tế thay đổi, nó sẽ bắt buộc "kiến trúc thượng tầng" (chính trị) phải thay đổi theo:

+ Đặt hàng cải cách: Khi kinh tế tư nhân phát triển mạnh, xuất hiện các yếu tố mới như kinh tế số, tiền ảo, thương mại điện tử... nó sẽ tạo áp lực buộc bộ máy hành chính (thế chế chính trị) phải thông thoáng hơn, bớt quan liêu và phải sửa đổi luật pháp để không làm nghẹt dòng chảy kinh tế.

+ Nguồn gốc của tính chính danh: Một thế chế chính trị chỉ có thể đứng vững nếu nó tạo ra một thế chế kinh tế giúp người dân ấm no, đất nước tăng trưởng. Nếu thế chế kinh tế trì trệ, khủng hoảng, nó sẽ làm suy giảm niềm tin và đe dọa sự sống còn của chính thế chế chính trị đó.

Tóm lại, thế chế chính trị đóng vai trò định hướng, kiến tạo, thiết lập khung khổ pháp lý cho các hoạt động kinh tế vận hành. Thế chế kinh tế là nền tảng vật chất; sự thay đổi của các phương thức sản xuất kinh tế đặt ra yêu cầu, áp lực buộc thế chế chính trị phải cải cách, đổi mới để tương thích (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

4.1.2. Mô hình phát triển của Việt Nam hiện nay

Trong mô hình phát triển của Việt Nam hiện nay, kinh tế xanh, kinh tế tư nhân và mở rộng không gian phát triển là ba mũi nhọn chiến lược, tác động qua lại chặt chẽ nhằm chuyển đổi mô hình tăng

trưởng của Việt Nam từ "chiều rộng" sang "chiều sâu".

Kinh tế xanh không còn là một lựa chọn mang tính "khuyến khích" mà đã trở thành bắt buộc và là điều kiện sống còn để Việt Nam hội nhập toàn cầu. Đây là nền kinh tế vừa tạo ra tăng trưởng, vừa giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, giảm phát thải carbon và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Kinh tế tư nhân được Đảng và Nhà nước khẳng định là "một động lực quan trọng" để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chuyển từ tư duy "cho phép tồn tại" sang "khuyến khích bứt phá", xóa bỏ các định kiến và rào cản phân biệt đối xử giữa kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước.

Mở rộng không gian phát triển là tư duy chiến lược mới nhằm "phá vỡ các giới hạn" về địa giới hành chính, tư duy cục bộ địa phương để tối ưu hóa nguồn lực. Không gian phát triển ở đây được hiểu theo cả nghĩa đen (địa lý) và nghĩa bóng (thế chế, nền tảng số). 3 trụ cột trong mở rộng không gian phát triển đó là không gian địa lý (Liên kết vùng và hành lang kinh tế); không gian số và không gian hội nhập quốc tế.

4.2. Thực tiễn cơ chế tác động giữa thế chế chính trị và thế chế kinh tế trong mô hình phát triển ở Việt Nam hiện nay.

4.2.1. Thực tiễn cơ chế tác động của thế chế chính trị và thế chế kinh tế đến phát triển kinh tế xanh và điểm nghẽn đặt ra

Cam kết chính trị mở đường cho dòng vốn bùng nổ phát triển kinh tế xanh

Khi thế chế chính trị đưa ra các định hướng chiến lược nhất quán (như cam kết Net Zero tại COP26, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030), nó lập tức kích hoạt các động lực kinh tế dịch chuyển (Chính phủ, 2021):

Làn sóng FDI đổ vào dự án xanh: Sau khi Quy hoạch điện VIII và các văn bản định hướng kinh tế xanh được ban hành, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh tăng mạnh. Tính đến nay, Việt Nam đã thu hút được hơn 30 tỷ USD đăng ký đầu tư vào các dự án xanh và phát triển bền vững. Các tập đoàn lớn như Lego (Đan Mạch) đã đầu tư vào nhà máy trung hòa carbon trị giá 1,3 tỷ USD tại Bình Dương, minh chứng cho việc thế chế xanh ổn định sẽ hút dòng vốn chất lượng cao

CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT

(Tổng cục Thống kê, 2024).

Sức bật từ Cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA): Sau khi Nghị định về cơ chế DPPA được ký ban hành chính thức, gỡ bỏ thể độc quyền mua bán điện của EVN đối với năng lượng tái

tạo, có tới gần 30 tập đoàn đa quốc gia lớn (như Samsung, Apple, Heineken) lập tức đăng ký tham gia để mua nguồn điện sạch này, kích hoạt thị trường đầu tư nguồn điện tái tạo tự sản tự tiêu phát triển mạnh mẽ (Chính phủ, 2024).

Bảng 1: Tác động thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến phát triển kinh tế xanh

Công cụ thể chế chính trị, kinh tế	Động lực kinh tế xanh chịu tác động	Con số thể hiện sự tác động thể chế đến kinh tế xanh
Cam kết chính trị vĩ mô & Quy hoạch điện VIII	Thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao	Hút > 30 tỷ USD vốn FDI vào các dự án xanh, nhà máy trung hòa carbon (như dự án Lego 1,3 tỷ USD).
Cơ chế chính sách thông thoáng (DPPA)	Dịch chuyển năng lượng sản xuất tư nhân	Gần 30 tập đoàn lớn tham gia mua bán điện sạch trực tiếp, khơi thông dòng vốn tư nhân.
Chậm ban hành Danh mục phân loại xanh	Khởi thông dòng vốn Tín dụng Xanh nội địa	Tín dụng xanh bị nghẽn, và chỉ chiếm gần 4,4% tổng dư nợ do ngân hàng thiếu căn cứ pháp lý để giải ngân.
Lộ trình xây dựng Sàn giao dịch Carbon (2028)	Chi phí tuân thủ của doanh nghiệp xuất khẩu	Doanh nghiệp xuất khẩu chịu áp lực lớn từ thuế CBAM (EU) áp dụng từ 2026 do thể chế sàn nội địa chưa theo kịp.

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022 – 2024; Chính phủ, 2023, 2024; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2025; Bộ Tài nguyên và Môi trường, 3/2025.

- *Điểm nghẽn đặt ra: Sự chậm trễ của bộ máy hành chính làm "nghẽn" động lực kinh tế*

Thể chế chính trị đóng vai trò "người mở đường" tạo ra tầm nhìn và thu hút sự chú ý của dòng vốn xanh quốc tế. Tuy nhiên, năng lực thực thi và tốc độ hoàn thiện văn bản pháp lý của bộ máy hành chính hiện tại lại là "nút thắt cổ chai" làm giảm hiệu quả thực tế của các động lực kinh tế này. Khi các quyết sách chính trị ở cấp vĩ mô rất quyết liệt, nhưng bộ máy hành chính thực thi cấp cơ sở lại chậm trễ, các con số kinh tế xanh lập tức bị kéo lùi.

Thiếu "thước đo xanh": Tính đến thời điểm hiện tại của năm 2026, Danh mục phân loại xanh quốc gia vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và chưa ban hành đồng bộ. Hệ quả, hệ thống ngân hàng bị "bó tay" trong việc thẩm định. Dư nợ tín dụng xanh hiện nay chỉ chiếm khoảng 4,4% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, khoảng hơn 550.000 tỷ đồng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2025). Con số này quá thấp so với nhu cầu thực tế của Việt Nam là cần khoảng 360 tỷ USD từ nay đến năm 2040 để đạt mục tiêu Net Zero (Chính phủ, 2024). Nguyên nhân là do thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro và ưu đãi tài chính (thuế, phí) từ phía chính phủ cho các ngân hàng thương mại khi cho vay dự án xanh.

Sự chậm trễ của sàn giao dịch Carbon: Trong

khí hàng trăm doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp và sản xuất tại Việt Nam đã có thể tạo ra tín chỉ carbon và có nhu cầu bán ra thế giới, thì thể chế quản lý trong nước mới đặt mục tiêu đến năm 2025 bắt đầu thí điểm và phải đến năm 2028 mới vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ carbon (Đạt, 2024). Sự chênh lệch thời gian này khiến doanh nghiệp Việt Nam mất đi lợi thế cạnh tranh và chịu thiệt hại hàng triệu USD do phải giao dịch qua các sàn trung gian quốc tế với chi phí cao.

Vướng mắc thể chế đất đai và quy hoạch: Việc triển khai Quy hoạch điện VIII gặp rào cản lớn về thủ tục hành chính. Kế hoạch thực hiện quy hoạch bị chậm ban hành nhiều tháng, kết hợp với việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương không đồng bộ. Hệ quả, có hơn 4.700 MW điện gió và điện mặt trời thuộc nhóm "dự án chuyển tiếp" từng bị treo hoặc chịu giá tạm tính thấp trong thời gian dài do nghẽn thủ tục đàm phán giá và pháp lý đất đai, gây lãng phí dòng vốn hàng tỷ USD của xã hội. (Chính phủ, 2023).

Sự phân mảnh và "cắt cụt" quản lý hành chính: Tiêu chuẩn kinh tế xanh bị chia cắt giữa nhiều bộ, ngành (Bộ Xây dựng quản lý công trình xanh; Bộ Công Thương quản lý năng lượng xanh; Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý nông nghiệp xanh và quản lý tiêu chí môi trường tổng

thê). Doanh nghiệp phải "chạy vòng quanh" qua nhiều tầng tiêu chuẩn chồng chéo.

Tư duy quản lý lạc hậu đối với tài nguyên rác: Hệ thống pháp luật vẫn thiên về quản lý "cuối đường ống" (tiêu hủy, chôn lấp) thay vì quản lý từ khâu thiết kế tuần hoàn. Sự thiếu rạch ròi trong định nghĩa pháp lý giữa "chất thải" và "phụ phẩm" khiến doanh nghiệp không thể tái sử dụng chất thải của ngành này làm nguyên liệu ngành khác do vướng thủ tục chất thải nguy hại.

Việt Nam phát sinh khoảng 60.000 tấn rác thải sinh hoạt mỗi ngày, trong đó có đến 60 -

70% là rác thải hữu cơ có thể tái chế, tuần hoàn làm phân bón hoặc năng lượng. Tuy nhiên, do thiếu cơ chế hành chính về phân loại tại nguồn và định giá rác thải, có tới hơn 70% lượng rác vẫn đang phải xử lý bằng hình thức chôn lấp, gây ô nhiễm và lãng phí tài nguyên nghiêm trọng (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025). Kinh tế thế giới đòi hỏi sản phẩm của Việt Nam phải có "Chứng chỉ xanh" (như cơ chế CBAM của châu Âu), nhưng thể chế quản lý trong nước vẫn đang trong quá trình thử nghiệm.

Bảng 2: Đối chiếu thực tiễn phát triển kinh tế xanh với tốc độ đáp ứng của thể chế

Lĩnh vực thực tiễn kinh tế	Nhu cầu/Năng lực thực tế	Thực trạng đáp ứng của thể chế
Tài chính xanh	Nhu cầu vốn xanh đạt hàng trăm tỷ USD; ngân hàng sẵn sàng giải ngân.	0 - Chưa có danh mục phân loại xanh quốc gia để làm căn cứ pháp lý giải ngân.
Kinh tế tuần hoàn	60.000 tấn rác/ngày (70% là rác hữu cơ có thể tái tạo).	> 70% rác vẫn phải chôn lấp do thiếu thể chế quy định công nghệ và định giá rác tuần hoàn.
Năng lượng xanh	Trên 4.700 MW điện tái tạo của tư nhân đã hoàn thành xây dựng.	Bị nghẽn dòng tiền và chậm hòa lưới do thể chế quản lý chậm ban hành khung giá và cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA).
Thị trường tín chỉ Carbon	Hàng ngàn doanh nghiệp cần sàn giao dịch để bán tín chỉ phát thải.	Thể chế vận hành sản phẩm bị lùi lịch đến năm 2028, chậm hơn tốc độ chuyển đổi của thị trường quốc tế.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2025; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025; Chính phủ, 2023; Đạt, 2024.

Thực tiễn phát triển kinh tế xanh đang chuyển biến với tốc độ rất nhanh do áp lực hội nhập toàn cầu, nhưng thể chế chính trị lại đang vận hành với tốc độ "chậm". Nếu Việt Nam không quyết liệt cắt giảm thủ tục và ban hành sớm các khung pháp lý (đặc biệt là Danh mục phân loại xanh), bộ máy hành chính sẽ vô tình trở thành "lực cản" lớn nhất làm nguội đi các động lực kinh tế xanh của đất nước.

4.2.2. Thực tiễn cơ chế tác động của thể chế chính trị đến kinh tế tư nhân, và điểm nghẽn đặt ra

- Thực tiễn cơ chế tác động của thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến kinh tế tư nhân

Bức tranh số liệu doanh nghiệp, sự trôi sụt của tốc độ gia nhập thị trường gắn liền với các điều chỉnh trong quản lý chính trị - hành chính.

Giai đoạn hãm phanh vì đại dịch Covid 19 (2020 – 2021)

Sự sụt giảm từ gần 135.000 xuống còn chưa đầy 117.000 doanh nghiệp là hệ quả trực tiếp từ các biện pháp hành chính nghiêm ngặt để chống

dịch (giãn cách xã hội, hạn chế di chuyển). Các rào cản vật lý tại thời điểm này tạm thời làm đóng băng nhu cầu mở rộng kinh doanh, doanh nghiệp ưu tiên phòng thủ và giữ dòng tiền hơn là gia nhập thị trường (Tổng cục Thống kê, 2021).

Giai đoạn phục hồi và cải cách số hóa (2022 – 2023)

Nhận thấy sức ép kinh tế lớn trong nước cũng như chuyển biến kinh tế thế giới, Chính phủ đã chuyển trạng thái quản lý sang "Thích ứng an toàn, linh hoạt".

Hành chính kiến tạo: Việc đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4, liên thông thủ tục Đăng ký kinh doanh - Thuế - Lao động đã giảm thời gian gia nhập thị trường xuống dưới 3 ngày.

Đòn bẩy tài chính: Chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT), gia hạn nộp thuế được ban hành liên tục đã tiếp sức cho dòng vốn tư nhân, đẩy số lượng doanh nghiệp năm 2023 đạt mức đỉnh lịch sử tại thời điểm đó là gần 160.000 doanh nghiệp (Tổng cục Thống kê, 2023).

Giai đoạn sàng lọc bền vững và sức bật thể

CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT

ché (2024 – 2025)

Năm 2024: Con số hạ nhiệt nhẹ xuống 157.240 doanh nghiệp cho thấy thị trường bước vào giai đoạn trầm lắng sau dịch khi sức mua toàn cầu yếu, đồng thời phản ánh tính cạnh tranh khốc liệt, số lượng doanh nghiệp rút lui cũng ở mức cao. (Tổng cục Thống kê, 2024).

Năm 2025: Tốc độ gia nhập bùng nổ mạnh mẽ, tiến sát cột mốc 200.000 doanh nghiệp/năm (gần 195.000 doanh nghiệp). Động lực chính đến từ việc triển khai quyết liệt các nghị quyết lớn về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025), cắt giảm mạnh mẽ các dòng "giấy phép con", đồng thời khơi thông dòng vốn bổ sung và củng cố niềm tin vào môi trường thể chế xanh/số hóa của Chính phủ (Tổng cục Thống kê, 2025).

Có thể nói, con số thành lập mới tăng mạnh trong năm 2025 chứng minh rằng: khi các rào cản hành chính được gỡ bỏ bằng những cam kết chính trị mạnh mẽ, sức nén của các động lực kinh tế tư nhân sẽ được giải phóng nhanh nhất, tạo ra lực đẩy quy mô lớn cho nền kinh tế (Bộ Chính trị, 2023).

Điểm nghẽn trong cơ chế tác động của thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến kinh tế tư nhân

Hạn chế tiếp cận nguồn lực

Khu vực tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế nhưng đang bị kìm hãm bởi các nút thắt thể chế mang tính hệ thống.

Thể chế quản lý đất đai và vốn còn phức tạp: Khu vực tư nhân khó tiếp cận đất sạch vì thủ tục đầu giá, đền bù rườm rà, đồng thời chịu điều kiện thể chấp khắt khe và lãi suất cao từ hệ thống tín dụng.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công: Đầu tư công là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế then chốt. Tuy nhiên, do vướng mắc về thủ tục hành chính trong giải phóng mặt bằng và phê duyệt dự

án, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của nhiều năm thường bị nghẽn trong 2 quý đầu năm (chỉ đạt 20 - 25%). Việc dồn áp lực giải ngân vào quý IV (thường phải chạy đua để đạt mục tiêu 95% kế hoạch của Chính phủ) khiến hiệu quả sử dụng vốn bị ảnh hưởng và gây áp lực lên lạm phát cuối năm (Tổng cục Thống kê, 2024).

Chi phí tuân thủ lớn và rủi ro pháp lý cao

Dù đã giảm đáng kể, báo cáo PCI qua các năm cho thấy vẫn có khoảng 40 - 45% doanh nghiệp được khảo sát thừa nhận phải trả "chi phí không chính thức" khi thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, phòng cháy chữa cháy hoặc thanh tra chuyên ngành. Điều này làm tăng chi phí vận hành, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp nội địa (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam & Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, 2024)

Rào cản từ giấy phép con: Một khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chỉ ra rằng, có tới gần 60% doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin các loại giấy phép đủ điều kiện. Sự chậm trễ này làm mất đi "thời điểm vàng" đầu tư, khiến nhiều dự án bị chậm tiến độ từ 6 tháng đến 1 năm (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2025).

Các thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành và "chi phí không chính thức" tạo áp lực nặng nề, khiến nhiều doanh nghiệp thà "giữ quy mô nhỏ" để tránh bị thanh kiểm tra chồng chéo. Sự thiếu ổn định của các văn bản dưới luật triệt tiêu động lực đầu tư dài hạn vào công nghệ hay R&D.

Môi trường cạnh tranh thiếu bình đẳng

Thể chế chính trị chưa tách biệt triệt để giữa quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng "vừa đá bóng vừa thổi còi". Sự ưu ái mặc định về nguồn lực cho các tập đoàn nhà nước làm tổn hại đến sân chơi bình đẳng của kinh tế tư nhân.

Bảng 3: Tác động thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến phát triển doanh nghiệp

Công cụ quản lý thể chế chính trị, kinh tế	Động lực kinh tế chịu tác động	Con số minh họa sự tác động
Số hóa và liên thông thủ tục	Khởi nghiệp, gia nhập thị trường	Thêm gần 160.000 DN mới/năm; thời gian cấp phép giảm < 3 ngày.
Nâng cao năng lực quản trị (PCI)	Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI)	Nhóm tinh top đầu chiếm phần lớn tổng vốn FDI nhờ giảm 50% thời gian phê duyệt dự án.
Quy trình phê duyệt, giải phóng mặt bằng	Đầu tư công, phát triển hạ tầng	Chồng chéo thủ tục khiến giải ngân 6 tháng đầu năm thường chỉ đạt 20 - 25%

Công cụ quản lý thể chế chính trị, kinh tế	Động lực kinh tế chịu tác động	Con số minh họa sự tác động
		kế hoạch.
Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành	Chi phí vận hành của doanh nghiệp	40 - 45% doanh nghiệp vẫn ghi nhận áp lực từ chi phí không chính thức hoặc thủ tục đất đai.

Nguồn: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 2025; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam & Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, 2024 và Tổng cục Thống kê, 2024.

4.2.3. Thực tiễn cơ chế tác động của thể chế chính trị, thể chế kinh tế đến mở rộng các không gian phát triển mới và điểm nghẽn đặt ra

Thực tiễn cơ chế tác động của thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến mở rộng không gian phát triển mới

Không gian kinh tế số và hạ tầng số

Thể chế thúc đẩy chuyên đổi số đã tạo ra hành lang pháp lý cho sự bứt phá mạnh mẽ của hạ tầng và quy mô kinh tế số. Quy mô kinh tế số Việt Nam tăng trưởng ấn tượng. Năm 2023 đạt khoảng 30 tỷ USD, năm 2024 đạt gần 36 tỷ USD (tốc độ tăng trưởng khoảng 20%, nhanh nhất Đông Nam Á cùng với Philippines). Mục tiêu thể chế đặt ra là kinh tế số phải chiếm 30% GDP vào năm 2030 (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025).

Hạ tầng và dịch vụ công: Tính đến năm 2025, tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử (VNeID) và tài khoản ngân hàng đạt trên 85%. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt hơn 80%, giúp cắt giảm chi phí hành chính tối thiểu 20-30% cho doanh nghiệp so với phương thức truyền thống (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2025).

Chỉ số GII (Đổi mới sáng tạo toàn cầu): Nhờ cải cách thể chế sở hữu trí tuệ và hỗ trợ startup, Việt Nam duy trì vị trí trong top 45/132 quốc gia, xếp thứ 2 trong nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp ((WIPO, 2025)

Không gian kinh tế xanh và dịch chuyển năng lượng

Thể chế hóa Quy hoạch điện VIII và các cam kết COP26 (Net Zero vào năm 2050) đang tái định hình không gian năng lượng và thu hút vốn đầu tư (Chính phủ, 2023)

Tỷ trọng năng lượng tái tạo: Các cơ chế khuyến khích (giá FIT trước đây và cơ chế mua bán điện trực tiếp - DPPA hiện tại) đã đưa tỷ trọng công suất nguồn điện năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió) đạt khoảng 27-30% tổng công suất toàn hệ thống điện quốc gia (Chính phủ, 2024)

Thu hút FDI xanh: Các rào cản thể chế dần được tháo gỡ giúp dòng vốn FDI chuyển dịch rõ rệt. Gần 30-40% các dự án FDI đăng ký mới trong giai đoạn 2024-2026 tập trung vào các ngành công nghiệp xanh, công nghệ cao, sản xuất linh kiện bán dẫn và năng lượng sạch (Tổng cục Thống kê, 2024).

Không gian liên kết vùng và phát triển đô thị

Việc ban hành các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển 6 vùng kinh tế - xã hội và thành lập các Hội đồng vùng đã giải quyết bài toán "cục bộ địa phương".

Hạ tầng giao thông trục cốt lõi: Thể chế phân cấp, phân quyền và áp dụng cơ chế đặc thù (giải phóng mặt bằng, chỉ định thầu) đã giúp Việt Nam đạt hơn 2.000 km đường bộ cao tốc vào cuối năm 2025, hướng tới mục tiêu 3.000 km vào năm 2026 và 5.000 km vào năm 2030 (Tổng cục Thống kê, 2024).

Hiệu ứng logistics: Thời gian vận chuyển hàng hóa giữa các trung tâm công nghiệp (như vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam) giảm từ 15-20%, kéo giảm chi phí logistics của Việt Nam xuống còn khoảng 16-17% GDP (dù vẫn cao nhưng đã cải thiện rõ rệt so với mức trên 20% trước đây) (Tổng cục Thống kê, 2024).

Những điểm nghẽn trong cơ chế tác động của thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến mở rộng không gian phát triển mới

Dù không gian phát triển mới đã mở ra, nhưng tốc độ hoàn thiện thể chế vẫn chưa theo kịp thực tế, tạo ra "độ trễ":

Giải ngân vốn đầu tư công: Do vướng mắc về thể chế đất đai, đấu thầu và đền bù, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nhiều năm thường gặp áp lực lớn trong 3 quý đầu năm và chỉ dồn dập vào quý IV, áp lực phân bổ dòng vốn cho các hạ tầng không gian mới bị chậm từ 10-15% so với kế hoạch đề ra ở các tháng đầu năm (Tổng cục Thống kê, 2024).

Chi phí tuân thủ pháp luật: Theo khảo sát Chi số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), khoảng

40-50% doanh nghiệp phản ánh vẫn còn gặp khó khăn với các thủ tục hành chính liên quan đến phòng cháy chữa cháy, môi trường và đất đai khi muốn mở rộng không gian sản xuất kinh doanh mới (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI & Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), 2024).

Hành lang pháp lý thử nghiệm (Sandbox): Sự chậm trễ trong việc ban hành khung pháp lý thử nghiệm cho các công nghệ tài chính mới (Fintech), kinh tế chia sẻ khiến Việt Nam mất đi khoảng 10-15% cơ hội thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm lớn dòng chảy vào khu vực so với các nước đối thủ trong khu vực như Singapore hay Indonesia (Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam -VCCI, 2025).

Không gian số đối mặt với tư duy quản lý rủi ro

Trước tốc độ của công nghệ, các mô hình kinh tế mới (Fintech, ngân hàng số, gọi xe công nghệ) vấp phải sự xung đột với hệ thống quản lý cũ. Sự chậm trễ trong việc hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới; biểu hiện của tâm lý e ngại rủi ro, quản lý theo lối mòn "không quản được thì cấm" làm thu hẹp sáng tạo. Tình trạng lộ lọt, mua bán dữ liệu cá nhân diễn ra phức tạp nhưng chưa có chế tài xử phạt đủ mạnh để răn đe.

Không gian kinh tế biển và vùng bị chia cắt bởi địa giới hành chính

Cơ chế điều phối vùng hiện nay thiếu thực quyền về ngân sách và quyết định đầu tư. Tình trạng "mạnh ai nấy làm" (Vũ Thành Tự Anh, 2023), khiến các địa phương cạnh tranh triệt tiêu thay vì bổ trợ nhau (tỉnh nào cũng đòi xây cảng nước sâu, sân bay riêng). Khung pháp lý cho các ngành công nghệ biển cao như năng lượng gió ngoài khơi còn thiếu hụt.

5. Bàn luận

Từ các kết quả nghiên cứu thực trạng về cơ chế tác động qua lại giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế trong mô hình phát triển ở Việt Nam hiện nay, có 3 vấn đề cốt lõi cần được bàn luận sâu hơn, gồm:

5.1. "Độ trễ thể chế" và yêu cầu chuyển nhanh sang 3 trụ cột phát triển hiện đại để Việt Nam đạt được các mục tiêu trong kỷ nguyên vươn mình.

Thể chế chính trị sở hữu năng lực định hướng vĩ mô mạnh mẽ (thể hiện qua các cam kết chiến lược

thu hút hơn 30 tỷ USD FDI xanh và 36 tỷ USD kinh tế số). Tuy nhiên, khâu thực thi hành chính lại bộc lộ độ trễ lớn. Việc thiếu Danh mục phân loại xanh đến tận năm 2026 hay lùi lịch sản carbon đến năm 2028 chứng minh: thực tiễn kinh tế đang chuyển động rất nhanh theo xu hướng hiện đại nhưng thể chế chính trị lại vận hành với tốc độ "chậm". Nếu không quyết liệt cải cách mạnh mẽ thể chế chính trị và bộ máy thực thi sẽ trở thành lực cản làm nguội đi các xung lực phát triển.

5.2. Tâm lý an toàn và bài toán lưỡng nan kiểm soát quyền lực

Sự bùng nổ của khu vực tư nhân năm 2025 khẳng định khi rào cản hành chính được gỡ bỏ bằng cam kết chính trị, sức nén kinh tế sẽ được giải phóng tối đa. Dù vậy, hiện tượng nghẽn đầu tư công 6 tháng đầu năm (chỉ đạt 20-25%) phản ánh lát cắt sâu hơn: tâm lý e ngại rủi ro pháp lý, sợ sai, sợ trách nhiệm của bộ máy công quyền trước làn sóng kiểm soát quyền lực. Hệ thống đang đứng trước bài toán lưỡng nan: nếu kiểm soát quá chặt nhưng thiếu hành lang bảo vệ cán bộ "dám nghĩ dám làm" (dù đã có Nghị định 73/2023/NĐ-CP), hệ thống sẽ rơi vào trạng thái "đóng băng hành vi". Ngược lại, nếu buông lỏng sẽ tạo không gian cho lợi ích nhóm thao túng. Đây chính là "điểm nghẽn của điểm nghẽn".

5.3. Sự xung đột giữa tư duy truyền thống và mở rộng không gian phát triển mới

Các không gian phát triển mới đòi hỏi thể chế tích hợp, nhưng hệ thống quản lý cũ lại phân mảnh. Tư duy quản lý nghiêng về phòng ngừa rủi ro theo lối mòn kim hãm. Sự chia cắt bởi địa giới hành chính khiến Hội đồng Điều phối vùng chỉ đóng vai trò phối hợp tư vấn mà không có tư cách pháp nhân riêng, không có bộ máy quản trị độc lập và đặc biệt là thiếu 'thực quyền ngân sách' để điều tiết các dự án liên tỉnh – trở nên hữu danh vô thực. Các địa phương vẫn có xu hướng co cụm, cục bộ để bảo vệ nguồn thu ngân sách riêng thay vì liên kết vùng. Đúng như cảnh báo mang tính lý luận của Nguyễn Văn Thọ (2018), khi tốc độ vận hành của hai thể chế chính trị và thể chế kinh tế lệch pha, chúng sẽ tạo ra xung đột và kéo lùi lẫn nhau.

6. Kết luận

Trải qua tiến trình đổi mới, cơ chế tác động giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế tại Việt Nam đã vận hành ngày càng linh hoạt và hiệu quả

hơn. Hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo đã thể hiện rõ vai trò kiến tạo, giữ vững ổn định vĩ mô, định hướng chiến lược và thiết lập hành lang pháp lý ngày càng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Ngược lại, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ tạo ra nguồn lực vật chất to lớn để củng cố nền tảng chính trị, mà còn trở thành "thước đo thực tiễn" khách quan để hệ thống chính trị tự điều chỉnh, đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý. Để đạt được mục tiêu thịnh vượng vào năm 2045,

Việt Nam không thể chỉ dừng lại ở các cải cách kinh tế thuần túy, mà bắt buộc phải thực hiện các cải cách đồng bộ về thể chế chính trị. Trọng tâm là thay đổi tư duy quản lý từ "phòng ngừa rủi ro, kiểm soát hành vi" sang "kiến tạo phát triển, chia sẻ rủi ro"; chuyển từ quản lý theo địa giới hành chính cục bộ sang quản trị không gian tích hợp và thiết lập một hành lang pháp lý minh bạch, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế xanh.

Tài liệu tham khảo

- Acemoglu, D., & Robinson, J. A. (2012). *Why nations fail: The origins of power, prosperity, and poverty*. Crown Business.
- Anh, V. T. T. (2023). Xung đột địa giới và thể chế điều phối vùng trong mô hình phát triển kinh tế Việt Nam. *Tap chi Nghien cuu Kinh te*, 532, 45–54.
- Bo Chinh tri. (2023). *Nghi quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 về xây dựng và phát huy vai trò của doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới*.
- Bo Khoa học và Công nghệ. (2025). *Sách Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 từ <https://mic.mediacd.vn/639352410187198464/2025/7/4/sach-trang-2024-17516077548061862683948.pdf>.
- Bo Nông nghiệp và Môi trường. (2025). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia: Thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt và dinh dưỡng kinh tế tuần hoàn*.
- Bo Thông tin và Truyền thông. (2025). *Báo cáo Thương niên Kinh tế số và Xã hội số Việt Nam năm 2024: Cập nhật dữ liệu năm 2025*.
- Chính phủ. (2023). *Nghi định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023 quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*.
- Chính phủ. (2024). *Nghi định số 80/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2024 quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn*.
- Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2022–2024). *Báo cáo tổng kết hàng năm*.
- Cục Thống kê. (2025). *Sách trang Doanh nghiệp Việt Nam năm 2025*. Nhà xuất bản Thống kê. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 từ <https://www.nso.gov.vn/default/2025/11/sach-trang-doanh-nghiep-viet-nam-nam-2025/>
- Dang Cong san Viet Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập 1 và Tập 2). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Dat, T. T. (2024). Thúc đẩy tài chính xanh và thị trường carbon: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý thể chế cho Việt Nam. *Tap chi Kinh te va Phat trien*, 321, 12–21.
- Lien doan Thuong mai va Cong nghiep Viet Nam, & Co quan Phat trien Quoc te Hoa Ky. (2024). *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023*. Truy cập ngày 01 tháng 4 năm 2026 từ <https://pcvietnam.vn/en/publications/2023-pgipci-full-report-ct227>
- Lien doan Thuong mai va Cong nghiep Viet Nam. (2025). *Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2024*. Nhà xuất bản Công Thương. Truy cập ngày 01 tháng 4 năm 2026 từ <https://vcci.com.vn/an-pham/bao-cao-dong-chay-phap-luat-kinh-doanh-2024>.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2025). *Báo cáo tổng kết hoạt động ngân hàng năm 2024 và dinh dưỡng nhiệm vụ đầu năm 2026*.
- North, D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>
- Rodrik, D. (2000). Institutions for high-quality growth: What they are and how to acquire

- them. *Studies in Comparative International Development*, 35, 3–31. <https://doi.org/10.1007/BF02699764>
- Thang, N. X. (Chu bien). (2021). *Mối quan hệ giữa đôi môi kinh tế và đôi môi chính trị ở Việt Nam: Thanh tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng tiếp tục đôi môi*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Su that.
- Thao, N. V. (2018). *Mối quan hệ giữa đôi môi kinh tế và đôi môi hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Su that.
- Thien, T. D. (Chu bien). (2021). *Đôi môi thể chế kinh tế Việt Nam 2016–2020: Lựa chọn và hành động*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Su that.
- Thu tuong Chinh phu. (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050*.
- Thu tuong Chinh phu. (2023). *Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển diện lục quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2026 tu <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=207889&pageid=27160>.
- Tong cuc Thong ke. (2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021*.
- Tong cuc Thong ke. (2023). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023*.
- Tong cuc Thong ke. (2024). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024*.
- Tong cuc Thong ke. (2025). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025*.
- Tuan, B. Q. (2023). The che cho phát triển xanh và bền vững tại Việt Nam: Thực trạng và những vấn đề đặt ra. *Tap chi Kinh tế và Quản lý*, 47, 15–22.
- Vien Chien lược phát triển - Bo Ke hoạch và Dau tu. (2021). *Hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Thống kê.
- World Intellectual Property Organization. (WIPO) (2025). *Global Innovation Index 2025: Innovation at a crossroads*. Truy cập ngày 05 tháng 4 năm 2026 tu <https://www.wipo.int/en/web/global-innovation-index>.

CƠ CHẾ TÁC ĐỘNG QUA LẠI GIỮA THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ VÀ THỂ CHẾ KINH TẾ TRONG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Thị Hằng

Trường Đại học Thành Đô

Email: hanghavkt@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/6/2026; Ngày phản biện: 11/6/2026; Ngày tác giả sửa: 16/6/2026;

Ngày duyệt đăng: 24/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i2.380>

Tóm tắt: Trong lý thuyết phát triển, mối quan hệ biện chứng giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế quyết định sự thành bại của một quốc gia. Tại Việt Nam, mô hình tăng trưởng cũ dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ đang chạm trần giới hạn. Để đạt mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, việc đánh giá cơ chế tác động qua lại giữa hai thể chế này là một đòi hỏi thực tiễn cấp bách nhằm khơi thông các "điểm nghẽn". Để giải quyết bài toán lưỡng nan này, Việt Nam bắt buộc phải thực hiện cải cách đồng bộ thể chế chính trị và thể chế kinh tế một cách quyết liệt hơn. Bài viết đề cập đến cơ sở lý thuyết của cơ chế tác động qua lại giữa thể chế chính trị và thể chế kinh tế, đồng thời phân tích thực tiễn tác động thể chế chính trị và thể chế kinh tế đến phát triển kinh tế xanh, kinh tế tư nhân và mở rộng không gian phát triển mới. Phần bàn luận của bài viết xoay quanh 3 vấn đề rút ra từ kết quả nghiên cứu. Đó là vấn đề có tính cấp bách đặt ra buộc Việt Nam phải giải quyết quyết liệt cơ chế tác động đến thể chế chính trị và thể chế kinh tế trong mô hình phát triển hiện nay.

Từ khóa: Cơ chế tác động; Mô hình phát triển ở Việt Nam; Thể chế chính trị; Thể chế kinh tế.